

NỮ CÔNG HỌC HỘI HUẾ (1926 – 1945) – TỔ CHỨC TIÊN PHONG CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM

Đoàn Ánh Dương¹, Nguyễn Đào Nguyên²

¹ Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

² Trường đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

Email: anhduong911@gmail.com; daonguyen85@gmail.com

Ngày nhận bài: 26/7/2026; ngày hoàn thành phản biện: 28/8/2026; ngày duyệt đăng: 29/9/2026

TÓM TẮT

Nữ công học hội Huế (1926-1945) là tổ chức tiên phong của phụ nữ Việt Nam. Dưới sự điều hành của bà Đạm Phương (1881-1947) và các cộng sự, Nữ công học hội Huế không chỉ gây dựng nên phong trào phụ nữ sôi động ở Huế mà còn truyền cảm hứng và có ảnh hưởng tích cực đến sự hình thành và phát triển của phong trào phụ nữ Việt Nam thời thuộc địa. Dựa trên những tư liệu lần đầu được sưu tầm, nhân dịp kỷ niệm 100 năm thành lập Nữ công học hội Huế (1926-2026), bài viết này tập trung giới thiệu hai vấn đề quan trọng giúp cho việc hình dung đầy đủ về diện mạo và đặc điểm của hội nữ công này: (1) sự hình thành và những thời điểm quan trọng trong tiến trình hoạt động của hội; (2) việc xây nhà hội quán như là biểu tượng cho sự phát triển của phong trào phụ nữ Việt Nam.

Từ khóa: Nữ công học hội Huế, Đạm Phương, nữ công, nữ học, nữ quyền.

MỞ ĐẦU

Đầu thế kỷ 20, nền giáo dục thế tục phổ cập Pháp - Việt tuy làm tăng tiến sự hiện diện xã hội và góp phần khẳng định địa vị phụ nữ Việt Nam nhưng chừng ấy là chưa đủ để giúp họ tìm kiếm sự tự chủ và vượt thoát thân phận lệ thuộc. Các trí thức dân tộc chủ nghĩa bản xứ chủ yếu là nam giới tìm thấy trong lý tưởng bình quyền đến từ phương Tây và thực tiễn thân phận nô lệ của phụ nữ Việt Nam lúc này một điểm tựa hội để biến câu chuyện về giải phóng phụ nữ thành ẩn dụ cho giải phóng dân tộc. Phụ nữ vừa chia sẻ với quan điểm này vừa tìm thấy ở đây cơ hội cất tiếng nói và khẳng định vị thế. Trong bối cảnh đó, sự ra đời của Nữ công học hội Huế vào năm 1926, tổ chức dân sự đầu tiên của phụ nữ Việt Nam, do bà Đạm Phương sáng lập và điều hành là chỉ dấu quan trọng của phong trào phụ nữ Việt Nam. Trong không gian xã hội mạnh mẽ các thiết chế dân

sự, với mục đích giúp phụ nữ rèn luyện nữ công thực nghiệp, phổ biến tri thức, thực thi chức vụ, Nữ công học hội Huế đã có được sự ủng hộ của tất cả các bên, từ chính quyền thuộc địa cho tới giới trí thức tinh hoa bản xứ, ở cả phía cải cách xã hội và phía đấu tranh bạo động chống thực dân. Bằng cách nào mà Hội có thể dung hòa được những khác biệt ý thức hệ như vậy? Hội đã hoạt động hiệu quả thế nào để có được thành công và tạo ảnh hưởng xã hội rộng rãi? Hội đã kết nối và tách bạch ra sao giữa các vấn đề thuộc về cá nhân, giới và dân tộc? Sự ra đời và đặc biệt là những hoạt động đầu tiên của Nữ công học hội Huế trong những năm 1926-1929 cho thấy rằng lựa chọn hiện diện xã hội không chỉ là cách phụ nữ thể hiện thái độ với chính mình mà còn là cách thức họ tự vận động để xác lập vị thế chính trị trong một không gian xã hội đang biến chuyển. Trong tình thế thuộc địa nửa phong kiến, lựa chọn ấy còn khiến cho vấn đề phụ nữ, giới và xã hội hiện diện như là điểm giao cắt của hàng loạt các vấn đề quốc gia - dân tộc ở khởi đầu sự kiến tạo nước Việt Nam hiện đại.

NỘI DUNG

Sự ra đời và phát triển của Nữ công học hội Huế gắn bó mật thiết với vai trò, uy tín, tư tưởng và hành động của bà Đạm Phương nữ sử (1881-1947), một nữ lưu trí thức nổi bật ở kinh đô Huế đầu thế kỷ XX. Bà tên thật là Công Nữ Đồng Canh, là con gái của Hoàng hóa quận công Nguyễn Phúc Miên Triện (1833-1905), cháu gái nội của đức Thánh Tổ Minh Mệnh (1791-1841). Năm 16 tuổi, bà kết duyên với ông Nguyễn Khoa Tùng (1873-1932), cũng là một trí thức tiêu biểu ở Huế, con trai Viên Giác đại sư Nguyễn Khoa Luận (1834-1900), trực hệ dòng họ Nguyễn Khoa nổi tiếng có công giúp nhà Nguyễn gây dựng Đàng Trong, thống nhất và dựng xây đất nước. Chính sự gặp gỡ giữa nền nếp hoàng tộc danh môn, nền tảng học hạnh tinh nhuần và ý chí cá nhân, sự nhuần thấm triết lý Nho Phật cổ truyền và tinh thần cầu học tư tưởng phương Tây hiện đại, trong không gian kinh kỳ chuyển đổi Đông Tây giao hòa tân cựu, đã hun đúc ở Đạm Phương tư cách người nữ trí thức tiên phong trước các vấn đề giới, xã hội và dân tộc. Năm 1918, được sự cổ xúy của Phạm Quỳnh và Phan Khôi, trong chuyến các học giả uyên bác của tạp chí *Nam Phong* này vào kinh đô Huế công cán dịp lễ tế Nam Giao, Đạm Phương chính thức đăng đàn ngôn luận, tích cực cộng tác với báo chí quốc ngữ ngoài Bắc trong Nam, công bố những trước tác chủ yếu tập trung vào vấn đề phụ nữ. Lúc này, bà Đạm Phương đã gần 40 tuổi. Bảy năm sau, năm 1926, ở tuổi 45, khi đã nổi danh trường văn trận bút khắp cả ba kỳ, bà Đạm Phương cùng bè bạn và một số nữ lưu trí thức trẻ tuổi ở Huế xướng xuất thành lập Nữ công học hội, tổ chức tiên phong của phụ nữ Việt Nam, do chính phụ nữ tự đứng ra gây dựng và điều hành.

Sự hình thành và những thời điểm quan trọng

Vấn đề cần lập hội phụ nữ hay mở phụ nữ báo từng được cô Đào Thị Loan, bút danh nữ của Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936), đề xuất trong mục “Nhời đàn bà” trên *Đăng*

cổ tùng báo (1907) và *Đông Dương tạp chí* (1913-1919) (Nguyễn Văn Vĩnh, 2021), sau đó có lẽ do đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu nhiều hơn là ảnh hưởng, tháng hoặc đề xuất này cũng hiện diện trên các tờ báo quốc ngữ trong Nam ngoài Bắc. Tháng 02 năm 1918, *Nữ giới chung* (02-7/1918), tờ báo đầu tiên của phụ nữ Việt Nam ra đời, do bà quả phụ Trương Nguyệt Anh (1864-1921), ái nữ nhà Nho yêu nước Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), làm chủ bút. Việc thành lập các hội đoàn phụ nữ diễn ra muộn hơn. Cuối năm 1925, nhân việc ở Vinh có tổ chức ra lớp học nữ công, được cả quan đốc học Hippolyte Le Breton, các nhà tư bản địa phương và các bà Tây Nam tán trợ¹, bà Đàm Phương lại hoan hỉ lên tiếng ủng hộ và thúc giục các nơi hưởng ứng việc làm này. Trong bài viết, bà Đàm Phương cho biết, từ năm 1924, bà “cũng có bàn tính về sự lập hội dạy học về sự nữ công cần dùng tại xứ Huế, nhiều người chị em cũng biểu đồng tình”, chỉ tiếc về sau quan điểm chưa thống nhất nên việc này “chưa khởi sự làm được” (*LTTV*, số 2170 (05NOV1925), tr.4; bài “Lớp học nữ công”)². Tuy nhiên, không từ bỏ mong muốn đó, sang đầu năm 1926, một mặt bà viết báo để phổ biến nhận thức và theo đó thuyết phục mọi người ủng hộ việc thành lập hội nữ công (*LTTV*, số 2265 (06MAR1926), tr.1; bài “Muốn cho nữ lưu biết chức nghiệp phải có học hội nữ công”); mặt khác, bà cùng chị em bạn hữu tiếp tục vận động thành lập hội nữ công ở Huế.

Cuối tháng 4 năm 1926, *Công Luận báo* đưa tin từ một phóng viên ở Huế về việc thành lập Nữ công học hội. Theo tờ báo này, Nữ công học hội Huế do bà Đàm Phương sáng lập. Và nhìn vào uy tín của người chủ trương cũng như mục đích của hội, tờ báo đã hết mực cổ vũ cho sự thành lập hội, vì theo họ, hội ấy không chỉ “có ích cho bạn quan

¹ Về lớp học nữ công này, xem bài ký sự đăng *Thực Nghiệp dân báo* (*TNDB*, số 1502 (19-20OCT1925), tr.3; bài “Lớp học nữ công”). Một năm sau, cụ Bảng Hoàng Tăng Bí gọi “lớp học” này là “học hội”, khi viết rằng: “Nữ công học hội ở Vinh, cơ sở tuy đã khởi lập từ năm ngoài [1925], nhưng buổi bắt đầu chương trình cũng chưa lấy gì làm hoàn thiện, công việc cũng chưa lấy gì làm khoáng trương cho lắm. Ngày 10 Ortobre vừa rồi [10/10/1926], các bà hội viên có hiệp đại hội đồng để trình bày các công việc hành động của hội năm 1925-1926 và để tổ chức sắp đặt cho thật được hoàn thiện” [*TLB*, số 846 (08NOV1926), tr.3; bài “Nữ công học hội ở Vinh”]. Chúng tôi chưa có dữ liệu các hoạt động của lớp học nữ công này, nhưng theo thông tin từ cụ Bảng Hoàng thì rất có thể, lúc manh nha vào cuối năm 1925, những người đứng ra tổ chức dạy nữ công ở Vinh chưa hình dung và chủ trương xây dựng “lớp học” ấy như là “học hội”, tức một tổ chức dân sự như cách bà Đàm Phương và cộng sự tổ chức Nữ công học hội Huế. Việc cụ Bảng Hoàng gọi tên “Nữ công học hội ở Vinh” (tháng 11/1926), sau gần nửa năm Nữ công học hội Huế hình thành và phát huy ảnh hưởng (tháng 6/1926), có thể cũng xuất phát hoặc có sự tham chiếu từ mô hình rất có tiếng vang này.

² Do bài viết sử dụng quá nhiều tin, bài trên nhiều báo chí để khảo tả về Nữ công học hội Huế nên nếu liệt kê cụ thể từng trích dẫn, dung lượng bài báo có thể tăng lên đáng kể vì yêu cầu chỉ nguồn này. Xét thấy các trang thư viện điện tử đều chỉ nguồn và có thể dễ dàng tiếp cận theo ngày báo ra, nên với các báo có thể đọc trực tuyến, chúng tôi lựa chọn phương án lấy tên báo làm nguồn chung cho các bài từ cùng một tờ báo. Nguồn trích dẫn sẽ gồm tên báo, số báo, ngày báo ra, số trang, và tên bài báo trong một số trường hợp cần thiết.

thoả ở xã hội Việt Nam ta ngày nay và ngày sau” mà còn vì tính chất tiên phong của hội, bởi hội Nữ công là hội “xưa nay ở xã hội ta chưa hề có” (CLB, số 369 (23AVR1926), tr.4; bài “Việc Nữ công học hội”). Tuy vậy, phải đến cuối tháng 5, trên tờ *Lục Tỉnh tân văn*, tờ báo mà bấy giờ bà Đạm Phương thường xuyên cộng tác, bà mới chính thức thông tin về việc thành lập Nữ công học hội ở Huế (LTTV, số 2326 (20MAY1926), tr.3; bài “Nữ công học hội sắp ra đời”).

Tháng 6 năm 1926, *Lục Tỉnh tân văn* và *Thực nghiệp dân báo* đăng tải chương trình và điều lệ của Nữ công học hội Huế. Theo văn bản này, Đồng lý phủ Khâm sứ Trung Kỳ Jean Charles Joseph d'Elloy thay quyền quan Khâm sứ Trung Kỳ lúc ấy là Pierre Marie Antoine Pasquier chuẩn y việc thành lập Nữ công học hội Huế từ ngày 17 tháng 5 năm 1926. Sáng lập hội viên có 15 người, ngoài bà Đạm Phương là các bà Ứng Bàng (bà Xuyên), Nguyễn Bá Trác, Tôn Thất Lương, Hoàng Phò, Jean, Nguyễn Xán, Nguyễn Thông, Nguyễn Khoa Tú, các cô Tôn Nữ Thị Cẩn, Tôn Nữ Chí Huyền, Trần (Thị) Như Mân, Lê Thị Quyên, Nguyễn Thị Thục, Đỗ Thị Lan.

Theo như bản Chương trình và điều lệ, “mục đích của hội có ba điều:

1. Tập luyện nữ công thực nghiệp.
2. Phụ nữ chức vụ.
3. Khai đạo trí thức nữ tử.” (LTTV, số 2335 (1JUN1926), tr.3, bài “Hội Nữ công ở Huế”; TNDB, số 1687 (13.6.1926), tr.4, bài “Một hội có ích”)³.

Theo đó, giáo dục đào tạo tri thức và chức nghiệp cho phụ nữ là mục đích trọng tâm của hội. Vì thế, về mặt nguyên tắc, điều lệ quán triệt “tại hội quán không được nghị luận về quốc chánh, về các tôn giáo, cấm bàn bạc sự dị đoan, nói xúc ý nhau khi họp hội, cấm tuyệt sự cò bạc tại hội” (LTTV, số 2335 (1JUN1926), tr.3; bài “Hội Nữ công ở Huế”). Vì thế, về sau, khi tổ chức giảng báo hay lập ban văn học luận bàn các vấn đề về giới, xã hội và dân tộc tại nhà hội quán, Nữ công học hội cũng luôn uốn nắn cách hiểu của/về hội theo hướng này, để một mặt khéo léo né tránh các hoạt động kiểm duyệt của nhà cầm quyền, mặt khác vẫn dẫn đạo phụ nữ quan tâm tới các vấn đề chính trị xã hội.

³ Nhà nghiên cứu Trần Đình Hằng khi khai thác tư liệu lưu trữ có tìm thấy một số tài liệu về Nữ công học hội, trong đó có bản in Chương trình và điều lệ (xem Trần Đình Hằng (2018), “Hội Nữ công Huế - thông điệp trăm năm”, *Huế ngày nay online*, <https://huengaynay.vn/van-hoa-nghe-thuat/hoi-nu-cong-hue-thong-diep-tram-nam-63975.html>, lên mạng ngày 06/11/2018).



Ảnh Ban trị sự hội Nữ công

1. Bà Đạm Phương, – 2. Bà Nguyễn Khoa Tú, 3. – Cô Nguyễn Thị Thục
4. Bà Nguyễn Xáng – 5. Cô Nguyễn Thị Lang – 6. Cô Tôn Nữ Chí Nguyên
7. Cô Trần Như Mân – 8. Tôn Nữ Thị Cần – 9. Bà Ng. Văn Thông –
10. Cô Ng. Thị Quyên

(TLB, số 728 (25JUN1926), tr.1; NĐN sưu tầm)

Ngày 15 tháng 6 năm 1926, Nữ công học hội Huế tổ chức lễ khánh thành tại nhà hội quán được hội thuê tạm trên đường Phú Cam, ngay lối bờ sông, cạnh nhà đèn Huế⁴ (xem ảnh 1). Tới dự có Phụ chánh Thân thần Tôn Thất Hân, Khâm sứ Pierre Pasquier, Phủ doãn Thừa Thiên Thái Văn Toàn, các quan Tây Nam, nhà tán trợ, hội viên, học viên, cùng nhiều người quan tâm, “lớp trong lớp ngoài ngót 300 người”, “tỏ rõ lòng hoan nghinh với một hội mới thành lập của nữ giới” (LTTV, số 2356 (25JUN1926), tr.1; bài “Lễ khánh thành Học hội Nữ công ở Huế”). Bà Đạm Phương, Chánh hội trưởng, thay mặt Ban trị sự đọc bài diễn văn. Dù diễn giải rộng thêm ba mục đích chính của hội đã được

⁴ Không rõ đường Phú Cam (cũ) lúc đó chỉ là đường nối với cầu Phú Cam (nay là đường Nguyễn Trường Tộ) hay gồm cả đường ven bờ hữu sông An Cựu, từ cầu Phú Cam đến cầu Kho Rèn (nay là đường Phan Đình Phùng). Các ghi chép đương thời không nói rõ số nhà mà hội thuê, song theo miêu tả, hội quán tạm có thể nằm ở khoảng giao giữa đường Nguyễn Trường Tộ và Phan Đình Phùng ngày nay, về phía Công ty Điện Lực Huế (Nhà Đèn cũ) (Về cầu đường khu vực sông An Cựu trước năm 1945, xem thêm Nguyễn Quang Trung Tiến (2018), tr.102-114).

nêu trong chương trình và điều lệ, bà Đạm Phương vẫn xem đó chỉ là những điều “giáo dục thiết yếu” cho phụ nữ Việt Nam, giúp họ tìm kiếm và vun bồi sự tự tin, tự chủ, từ chỗ làm tròn chức vụ trong gia đình để tiến tới thực thi trách nhiệm xã hội, lấy việc thụ đắc nữ công làm nấc thang tiến lên giành lấy nữ quyền (LTTV, số 2353 (22JUN1926), tr.6; bài “Lễ khánh thành Nữ công học hội”).

Ngày 27 tháng 6 năm 1926, Nữ công học hội Huế tổ chức lễ khai giảng. Theo như các bài lai cáo được đăng báo *Lục tỉnh tân văn* các số 2365 (06JUL1926) và 2366 (07JUL1926), vào buổi sáng, sau khi bà Đạm Phương đọc bài diễn văn về bốn phận đàn bà con gái đối với gia đình và xã hội là lớp học làm bánh, do bà Thượng Nghệ Trần Tiền Hối⁵ dạy. Buổi chiều có hai lớp, lớp đầu dạy lên khung thêu, do bà Đạm Phương và cô Chí Thuần dạy; lớp sau là lớp giảng báo, cô Hoàng Thị Lài đọc các bài “Chức nghiệp giáo dục là vấn đề thiết yếu của nữ lưu” và “Đàn bà với nghề nghiệp” đăng trên báo *Trung Bắc tân văn* để mọi người cùng thảo luận. Vào giờ giảng báo, cụ Phan Bội Châu cùng các quan Đốc, quan Phán, quan Tham và các nhà trí thức đến thăm hội. Cụ Phan đã có bài nói chuyện thân mật về vấn đề luân lý và giáo dục phụ nữ, vai trò của phụ nữ với nữ giới và quốc gia, sự cần thiết của việc vun bồi và khuếch trương cho những tổ chức phụ nữ có tính hội đoàn và chức nghiệp như Nữ công học hội (LTTV, số 2365 (06JUL1926), tr.3; bài “Ngày khai giảng của hội Nữ công ở Huế”; số 2366 (07JUL1926), tr.5; bài “Hội Nữ công khai giảng lần đầu”)⁶. Việc cụ Phan Bội Châu đến thăm và nói chuyện với hội viên và học sinh hội Nữ công là một nguồn động viên rất lớn cho Nữ công học Hội, là một hành động mang tính biểu tượng cho sự ủng hộ của nam giới cho phong trào phụ nữ Việt Nam.

Ngày 19 tháng 8 năm 1926, cụ Phan Bội Châu đến thăm Nữ công học hội lần nữa, giảng lại bài diễn thuyết hôm khai giảng và tán trợ hội 100\$ để mua sách vở cho học trò xem (LTTV, số 2413 (02SEP1926), tr.1; bài “Bài diễn thuyết của cụ Phan Bội Châu tại hội Nữ công học hội”). Về sau, cụ Phan còn tặng sách *Nữ quốc dân tu tri* và cả bản quyền in ấn sách này cho hội làm sách giáo khoa. Nữ công học hội đã lấy chính tiền tán trợ của cụ Phan để in ấn sách này, lần thứ nhất năm 1926 và ngay năm sau in thêm một lần nữa,

⁵ Bà tên là Công Nữ Thị Xán, dòng dõi hoàng tộc, con gái của Thượng thư Tôn Thất Phiến. Bà kết duyên cùng Tổng đốc Nghệ An Trần Tiền Hối, con trai của Phụ chính đại thần Trần Tiễn Thành. Hai người con gái của bà là Trần Thị Như Thiều (con dâu của bà Đạm Phương, lấy người con trưởng Nguyễn Khoa Tú) và Trần Thị Như Mân (vợ của học giả Đào Duy Anh), đều là thành viên sáng lập Nữ công học hội Huế.

⁶ Bài nói chuyện về sau được đăng toàn văn trên *Đông Pháp thời báo* và *Lục Tỉnh tân văn*, do N.K.V phụng sao [Hải Triều Nguyễn Khoa Văn, con gái thứ bà Đạm Phương], xem [DPTB, số 475 (25AUG1926), tr.1-2; số 476 (27AUG1926), tr.2; số 479 (03SEP1926), tr.4; số 480 (06SEP1926), tr.2-3; bài “Bài diễn thuyết của cụ Phan Bội Châu tại hội Nữ công”; LTVT, số 2413 (02SEP1926), tr.1; số 2414 (03SEP1926), tr.1; số 2417 (07SEP1926), tr.1; bài “Bài diễn thuyết của cụ Phan Bội Châu tại hội Nữ công học hội”].

để phát cho hội viên và bán gây quỹ cho hội⁷. Cùng với cụ Phan, ngày 12 tháng 9 năm 1926, cụ Viện trưởng Viện Nhân dân đại biểu Trung Kỳ Huỳnh Thúc Kháng cùng các nghị viên đến thăm Nữ công học hội. Cụ Huỳnh cũng đánh giá rất cao việc thành lập Nữ công học hội, ở chỗ hội không chỉ giúp ích cho nữ giới mà còn giúp ích cho xã hội, “không những làm gương cho bọn quần thoa mà chính lại là một phần bồi đắp trong nền nhân dân đại biểu” (*LTTV*, số 2431 (23SEP1926), tr.3; bài “Đáp lại bài chúc từ của Nữ công học hội”). Việc cụ Phan, cụ Huỳnh đến thăm và trò chuyện là nguồn động viên, khích lệ lớn với Nữ công học hội. Có thể khẳng định, sự phát triển nhanh chóng và tác động mạnh mẽ của Nữ công học hội Huế tới phong trào phụ nữ Việt Nam bấy giờ, ngay từ những bước chập chững đầu tiên, bên cạnh những nỗ lực tự thân rất đáng ghi nhận của chị em phụ nữ, có một phần không nhỏ đến từ sự quan tâm ủng hộ của những biểu tượng của tinh thần cách mạng Việt Nam ấy.

Bước ngoặt của Nữ công học hội Huế đến vào mùa thu năm 1929, sau hơn ba năm hoạt động sôi nổi và hiệu quả, khi bà Hội trưởng Đạm Phương và một số hội viên bị chính quyền thuộc địa bắt do tình nghi có liên quan đến hoạt động của một số hội kín chống Pháp. Theo tin của báo *Phụ Nữ tân văn*, trong tháng 9, tình hình chung, “suốt mười mấy tỉnh Trung Kỳ, vẫn còn khủng hoảng về sự bắt bớ, không có ngày nào không, không có tỉnh nào không. Chính những người bị bắt, cũng chẳng rõ là mình có tội gì hết. Các quan công tay thì phải đi”; còn với Hội Nữ công ở Huế, “bà Đạm Phương, Hội trưởng Nữ công học hội ở Huế, bị xét nhà và bắt giam hồi đầu tháng trước, thì nay đã được tha rồi. Còn cô Như Mân, bà phán M. Đồng Sĩ Bình, và cô Đỗ Thị Trâm ở Bình Định, tin tức sao chưa biết”⁸ (*PNTV*, số 22 (26SEP1929), tr.23; mục “Những việc tai nghe mắt thấy”). Báo *Tiếng dân* thông tin chi tiết hơn, “bà Đạm Phương, Hội trưởng Nữ công học hội Huế, hôm đầu tháng Aout bị xét nhà và bắt giam. Ban đầu bà được giam ở ngoài lao, gần đây lại đem vào lao. Nay được quan trên tha cho về” (*TD*, số 213 (11SEP1929), tr.2; bài “Bà Đạm Phương được tha”). Bị bắt mà không thành án, song bà Đạm Phương (vẫn viện có đau yếu) từ chức Hội trưởng Nữ công học hội (*TD*, số 217 (24SEP1929), tr.2; bài “Bà Đạm Phương từ chức Hội trưởng Nữ công học hội”; số 221 (9OCT1929), tr.2; bài “Về việc bà Đạm Phương từ chức Hội trưởng Nữ công học hội”).

⁷ Cùng với sách của cụ Phan, Nữ công học hội cũng xuất bản được 3 cuốn sách thường thức về nữ công, lấy tên là *Nữ công thường thức*, do hội biên soạn: sơ tập năm 1928 (tái bản ngay trong năm), nhị tập năm 1929 và tam tập năm 1931. Các sách này, ngoài phần nữ công gia chánh, cũng in thêm một số bài viết liên quan đến hoạt động của Nữ công học hội.

⁸ Cô Trần Thị Như Mân bị bắt ngày 26 tháng 7 [*TD*, số 201 (31JUL1929), tr.2; tin “Xét nhà, bị bắt”]. Cho tới tháng 12, cô Như Mân bị kết án 3 năm tù, cô Trâm 1 năm tù, vì đều bị buộc tội có can dự vào các hội kín như Tân Việt cách mạng và Thanh niên cách mạng đồng chí [*PNTV*, số 32 (12DEC1929), tr.21; bài “Ba người đàn bà bị án quốc sự ở Trung Kỳ”].

Cuối tháng 12 năm 1929, khi các hoạt động bắt bó ở Huế dần lắng xuống, ở kỳ đại hội đồng lần thứ ba, Nữ công học hội mới hội đủ số thành viên để bầu bà Phương Thanh Trần Quang Khải thay bà Đàm Phương làm Hội trưởng (TD, số 254 (8FEB1930), tr.2; bài “Hội nữ công đã bầu Ban trị sự”). Tuy vậy, hoạt động của hội vẫn còn hết sức dè dặt⁹.

Giữa năm 1930, nhờ sự tán trợ của nhiều bậc thức giả khắp cả nước, nhà hội Nữ công học hội – hội quán đầu tiên thuộc quyền sở hữu của một tổ chức phụ nữ Việt Nam – đã được xây dựng mới tại số 86 đại lộ Khải Định¹⁰, bất chấp những khó khăn và sự thu hẹp phạm vi hoạt động của hội như là hệ quả dư hưởng từ vụ bắt bó năm 1929. Cùng với việc khai trương nhà hội mới, Nữ công học hội cũng đã chiêu sinh trở lại các lớp học về nữ công và học chữ quốc ngữ (TD, số 306 (9AUG1930), tr.2; bài “Nữ công học hội khai giảng”).

Năm 1931, tuy phong trào phụ nữ ở Huế vẫn chưa trở lại rầm rộ như trước, Nữ công học hội vẫn đứng ra và tổ chức thành công cuộc đấu xảo nữ công đầu tiên của phụ nữ Việt Nam, trong các ngày từ 22 tháng 12 năm 1931 đến ngày 03 tháng 01 năm 1932. Từ khi chuẩn bị đến khi tan hội, báo chí khắp ba kỳ đã nhiệt liệt ủng hộ, quảng bá và tường thuật về cuộc đấu xảo này (xem chẳng hạn: PNTV, số 111 (3DEC1931), tr.21; số 112 (10DEC1931), tr.9; 115 (7JAN1932), tr.13-14; NCT, số 866 (26DEC1931), tr.1,4; 867 (28DEC1931), tr.3; 868 (30DEC1931), tr.3; 869 (31DEC1931), tr.3; TD, số 447 (23DEC1931), tr.2; 448 (26DEC1931), tr.2; TNDB, số 3313 (30DEC1931), tr.2;...). Tuy vậy, Nữ công học hội vẫn gặp rất nhiều khó khăn, khiến hoạt động trong nửa đầu những năm 1930 trở nên trầm lắng, phần vì ảnh hưởng trực tiếp và hệ quả của việc đàn áp các phong trào cách mạng diễn ra ở Bắc Kỳ và bắc Trung Kỳ những năm này, phần vì hệ quả của cuộc Đại suy thoái tới đời sống kinh tế và xã hội Đông Dương. Sự trầm lắng ấy của Nữ công học hội, nhất là của bà Đàm Phương trên diễn đàn xã hội và ngôn luận, thậm chí khiến cho Phan Khôi, vào cuối năm 1933, khi đó đang làm chủ bút tờ *Phụ nữ thời đàm* của ông bà Nguyễn Văn Đa ở Hà Nội, phải thư từ hỏi thăm, nhân đó trích đăng thư của bà Đàm Phương trên *Phụ nữ thời đàm* số 7 (29OCT1933), để thông tin với bạn đọc về tình hình của bà Đàm Phương và phong trào phụ nữ ở Huế (Phan Khôi, 2013, tr.285-287). Hoạt động nổi bật nhất của hội Nữ công lúc này là, nhờ vào sự giúp đỡ của bà Hồ Thị Hạnh¹¹, vào tháng 12 năm 1932, hội đã góp công góp của cùng bà Hạnh mở một cửa hiệu buôn

⁹ Một bài báo của Ngọc Tuyết trong mục Phụ nữ diễn đàn của báo *Tiếng dân* đã hé cho thấy tâm trạng và hiện tình phong trào phụ nữ ở Huế lúc này [TD, số 224 (19OCT1929), tr.3; bài “Tiền đồ nữ lưu ta sẽ ra thế nào?”].

¹⁰ Nay là đường Nguyễn Huệ. Tôi sẽ trình bày kĩ hơn về việc dựng nhà hội ở phần sau.

¹¹ Tục danh của con gái Thượng thư Hồ Đắc Trung, con dâu của Thượng thư Cao Xuân Dục, đương thời thường được gọi theo tên chồng là bà Cao Xuân Xang, về sau được biết đến phổ biến với pháp danh Thích nữ Diệu Không.

hàng nội hóa để tiếp nối việc cổ động sản xuất và mua bán hàng quốc nội vốn được học hội hưởng ứng từ các phong trào xã hội đương thời, và từng được hội xem như một chủ điểm của đấu xảo phụ nữ ở Huế năm 1931 như lời quảng cáo trên *Phụ nữ tân văn*: “Đấu xảo Mỹ nghệ Phụ nữ (...) tại Nữ công học hội Huế. Ai là người chấn hưng công nghệ, Ai là người dùng đồ nội hóa: Xin dự cuộc đấu xảo” (PNTV, số 111 (3DEC1931), tr.21). Cửa hiệu lấy tên là Nam Hóa, theo danh mục địa chỉ chỉ dẫn về kinh tế Đông Dương xuất bản năm 1933, là cửa hàng đăng kí chuyên doanh hàng sản xuất tại Đông Dương (produits Indochinois), ở số 7 đường bờ sông Đông Ba (quai Dong-Ba¹²), do bà Hồ Thị Hạnh đứng tên chủ hiệu (*Indochine Adresses*, 1933, p.682). Một ghi chép của Nguyễn Thị Kiêm đăng trên *Phụ Nữ tân văn*, nhân dịp cô cùng phái đoàn báo này từ Sài Gòn ra thăm Huế có lưu trú tại hiệu Nam Hóa vào đầu tháng 5 năm 1934, đã cho biết nhiều thông tin về cửa hiệu và dành nhiều lời ngợi khen việc cổ động dùng hàng nội hóa của phụ nữ Huế, xem đó là kiểu mẫu để kêu gọi phụ nữ mở thêm các hiệu “Nam Hóa” (hàng hóa của người Nam) ở các tỉnh thành khắp cả nước (PNTV, số 244 (31MAY1934), tr.5-7; bài “Hội Nữ công và tiệm Nam Hóa ở Huế hay là vấn đề phụ nữ chức nghiệp”).

Tháng 4 năm 1938, sau bốn năm năm đình trệ, có lẽ do tác động của phong trào dân tộc dân chủ ở Đông Dương trỗi dậy nhờ ảnh hưởng và chính sách Mặt trận Bình dân Pháp, nhận thấy “phụ nữ nước ta đã bắt đầu giác ngộ những quyền lợi và nghĩa vụ của mình” và “lại thêm cái tình thế gia đình và xã hội buộc người đàn bà phải có sinh kế tự lập cùng những kiến thức nhiều phương diện để giao thiệp với đời” như là những nguyên nhân dẫn tới việc “vấn đề giáo dục phụ nữ đã trở nên một vấn đề cấp bách”, Nữ công học hội Huế quyết định “chấn chỉnh lại” (TAB, số 317 (3MAY1938), tr.2; bài “Hội Nữ công Huế chấn chỉnh lại”). Theo thông báo này, các kỳ đại hội đồng của Nữ công học hội lúc này chủ trương thêm các chương trình về thể dục cho phụ nữ và hướng tới lập ra các ấu trĩ viên để giúp đỡ giáo dục trẻ con nhà khốn khó bần hàn; ban trị sự cũng được kiện toàn, với việc bầu bà Đạm Phương làm Chánh Hội trưởng, các bà Cao Xuân Xang làm Phó Hội trưởng, Đoàn Nồng làm Chánh thư ký và Bửu Du là thủ quỹ. Ý hướng khôi phục vai trò, vị trí và làm mới mẻ các hoạt động giáo dục phụ nữ dần dà làm cho hội sôi nổi trở lại. Đầu năm 1939, trong một cuốn sách mỏng được in để phổ biến Nghị định ngày 24 tháng 01 năm 1939 của Toàn quyền Đông Dương về việc sửa đổi hệ thống và chương trình giáo dục tiểu học và trung học do Librairie Hương Giang của Hải Triều Nguyễn Khoa Văn ấn hành, người con thứ khuynh tả của bà Đạm Phương đã không chỉ nhân đó dành ra rất nhiều quảng cáo về nhà sách của mình mà còn dành cả trang bìa bốn của cuốn sách để giới thiệu về mục tiêu giáo dục mới của Nữ công học hội (*Programme limitatif des examens du B.E. et du B.E.P.C. (année 1939)*, trang bìa 4). Đến tháng 6 cùng năm này, Nữ công học hội đã tổ chức lễ cấp phát bằng tốt nghiệp cho học sinh

¹² Nay là đường Huỳnh Thúc Kháng.

của hội¹³, và sau kì nghỉ hè, tiếp tục thông báo chiêu sinh khóa mới (TAB, số 431 (27JUN1939), tr.2; CLB, số 8065, 30AUG1939), tr.3). Dù không còn hoạt động mạnh mẽ như những năm đầu tiên, tuy vậy, tháng hoặc vẫn thấy báo chí đưa tin, ghi nhận những hoạt động của hội (TAB, số 909 (27NOV1941), tr.2; 917 (6DEC1941), tr.1; TAB (tập mới), số 7 (23AVR1942), tr.2; 102 (19DEC1942), tr.2;...).

Tháng 3 năm 1945, phát xít Nhật đảo chính ở Đông Dương, vua Bảo Đại xóa bỏ Hiệp ước Giáp Tuất 1884, tuyên bố Việt Nam độc lập khỏi Pháp và thành lập Nội các Đế quốc Việt Nam. Đối với phong trào phụ nữ, vua Bảo Đại cho phép thành lập hội phụ nữ Việt Nam thống nhất cho toàn quốc. Ở Huế, báo *Đàn bà* dẫn nguồn tin từ *Việt Nam tân báo* cho biết, ngày 20 tháng 5 năm 1945, tại nhà hội quán Nữ công học hội, phụ nữ các giới và các hội (Nữ công, Lạc thiện, Cựu học sinh trường Đồng Khánh và Nữ hướng đạo) đã tiên phong hội họp để thảo luận về việc lập hội Phụ nữ Việt Nam. Dưới quyền bảo trợ của Từ Cung thái hậu và Nam Phương hoàng hậu, sự tham dự của hai phu nhân bộ trưởng Hoàng Xuân Hãn và Trịnh Đình Thảo, bà Đạm Phương “Chánh hội trưởng hội Nữ công cũ thay mặt phụ nữ Thần kinh đọc chúc từ, đại ý nói: ‘Không lúc nào bằng lúc này, phụ nữ phải đoàn kết lại thành một đoàn thể duy nhất để phụng sự quốc gia’” (ĐB, số 290-291 (1-8JUN1945), tr.7; bài “Cuộc hội họp tại Thần kinh để lập hội Phụ nữ Việt Nam”). Bài báo cũng cho hay, ngay trong buổi sáng hôm ấy, trên cơ sở một Hội đồng mới được hiệp thương, Ban trị sự hội phụ nữ thống nhất ở Huế đã được bầu và đi vào hoạt động. Theo đó, cùng với sự kiện này, Nữ công học hội chính thức tự giải tán, kết thúc gần 20 năm hoạt động, ngay trước khi phụ nữ cả nước tích cực tham gia cao trào đấu tranh kháng Pháp diệt Nhật, góp phần tích cực vào sự thắng lợi của cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do và thống nhất dân tộc.

Việc xây nhà hội quán Nữ công học hội

Việc xây dựng nhà hội quán là một kì tích đối với Nữ công học hội Huế. Trong một thông báo về việc xây nhà hội quán đăng trên *Thực Nghiệp dân báo* vào tháng 3 năm 1928, Ban trị sự hội Nữ công cho biết, việc thuê nhà hội tạm của bà Huyện Tám (ở đường Phủ Cam) khá tốn kém, hết 21\$00 một quý (TNDB, số 2196 (22MAR1928), tr.3; bài “Việc làm nhà hội”). Đây là thời giá vào năm 1928, sau khi Nữ công học hội đã nhiều lần gia hạn thuê nhà. Không rõ giá thuê nhà năm 1926 là bao nhiêu, nhưng ngay khi hết quý thuê đầu tiên, hội Nữ công đã trù tính việc tìm đất dựng nhà hội. Trong một tờ trình của Ban trị sự họp ngày 25 tháng 9 năm 1926, bà Đạm Phương đã đệ trình một điều khoản, rằng Nữ công học hội “trước sau cũng phải cần một sở nhà hội quán riêng mới vững

¹³ Có 8 cô được cấp bằng, gồm: Nguyễn Khoa Diệu Vân (Huế), Nguyễn Thị Hằng Nga (Thakhet – Lào), Hồ Thị Kim Đính (Quảng Trị), Võ Thị Lệ Chi (Huế), Lê Thị Lộc (Ba Đồn – Đồng Hới), Nguyễn Thị Ngọc Nhung (Huế), Nguyễn Thị Bích Vân (Huế), Trần Thị Bích Châu (Tourance – Quảng Nam).

bền cơ sở”, vì thế bà “có nhờ ông phán Trần Quang Khải¹⁴ vẽ địa đồ về chỗ đất Dương Xuân ngay con đường Chaigneau¹⁵, một khuôn độ 3.000 thước tây, hội sẽ làm đơn xin nhà nước nếu chỗ đó mà nhà nước cho thì tiện lắm”, và hy vọng “trong năm nay hội mình phải trừ tính công cuộc làm hội quán cho xong vì hội viên và học sanh ngày một đông thêm, cứ ở nhà thuê thì bất tiện” (*LTTV*, số 2455 (21OCT1926), tr.3; bài “Tại Nữ công học hội”).

Ngày 16 tháng 11 năm 1926, hội hiệp đại hội đồng đầy đủ để bàn tính về việc xây nhà hội. Theo đó, ngày 24 tháng 11 năm 1926, hội đã đệ đơn lên tòa Công sứ Thừa Thiên xin một khuôn đất 5.000m² tại đường Chaigneau, gần nhà máy điện, và bước đầu được chấp thuận (*LTTV*, số 2498 (14DEC1926), tr.1; bài “Việc trừ tính làm nhà hội Nữ công”). Tháng 3 năm 1927, Nữ công học hội đã có đơn đề nghị Nhà nước phái quan lục lộ cắm đất để đổ cát đắp nền. Nhưng đến ngày 3 tháng 9 năm 1927, do điều chỉnh quy hoạch, tòa Công sứ chỉ đồng ý cấp cho hội khuôn đất rộng 3.297m², song cũng chưa tiến hành các thủ tục trên thực địa để cấp phép cho hội đắp nền dựng nhà (*TNDB*, số 2134 (3-4JAN1928), tr.3; bài “Nữ công học hội”). Sang đầu năm 1928, theo công văn ngày 16 tháng 01 năm 1928, tòa Công sứ ra yêu cầu Nữ công học hội phải trả một phần kinh phí để có thể sở hữu khu đất được trợ cấp, với giá “mỗi thước một giắc” (10xu/m²) (*TNDB*, số 2196 (22MAR1928), tr.3; bài “Việc làm nhà hội”). Khó khăn về tài chính và các thủ tục hành chính tiếp tục làm đình trệ việc mua đất và triển khai xây nhà hội.

Trước áp lực về tiền thuê nhà hội tạm, kinh phí và sự chậm trễ của việc mua đất của chính quyền, chị em trong hội ở Huế “bàn định nên hỏi mua một sở phòng chừng 2.000\$ trở xuống”, và có đăng thông tin này lên báo để lấy ý kiến các hội viên tỉnh ngoài (*TNDB*, số 2196 (22MAR1928), tr.3; bài “Việc làm nhà hội”). Phương án này được lựa chọn, Nữ công học hội đã quyết định mua một sở đất cạnh khuôn đất đã đệ đơn xin chính quyền. Ngày 10 tháng 4 năm 1928, Nữ công học hội đã chuyển về địa điểm mới này, đánh dấu một cột mốc tự chủ trong hoạt động của hội (*TNDB*, số 2223 (23-24AVR1928), tr.2; bài “Nữ công học hội”). Theo thông tin về việc chuyển nhà hội quán và kêu gọi thêm tài trợ mà Nữ công học hội đăng tải trên *Thực Nghiệp dân báo*, chỗ đất ấy được miêu tả là “gần con đường Chaigneau, mặt trước ngay con đường 18 thước tây Nhà nước sắp dọn, mặt sau gần nhà hội quán Bắc Kỳ cũng gần sở đèn điện”, “địa thế khoáng đãng, trông rất nghiêm chỉnh”, “khuôn đất bốn sào An Nam, phòng chừng 1.700 thước vuông tây”, hơn nữa “giữa có một cái nhà ngói ba gian hai chái, theo kiểu An Nam” (*TNDB*, số 2223 (23-24AVR1928), tr.2; bài “Nữ công học hội”). Không biết chủ cũ của sở đất là ai, nhưng cũng theo thông tin này, “sở ấy giá 1.700\$ nhưng tư bản của hội

¹⁴ Vợ ông phán Khải là bà Phương Thanh, tuy không phải hội viên sáng lập, nhưng là hội viên uy tín và nhiệt thành với hoạt động của hội. Bà được bầu làm Phó Chánh Hội trưởng, rồi Chánh Hội trưởng Nữ công học hội khi bà Đạm Phương cáo bệnh xin nghỉ.

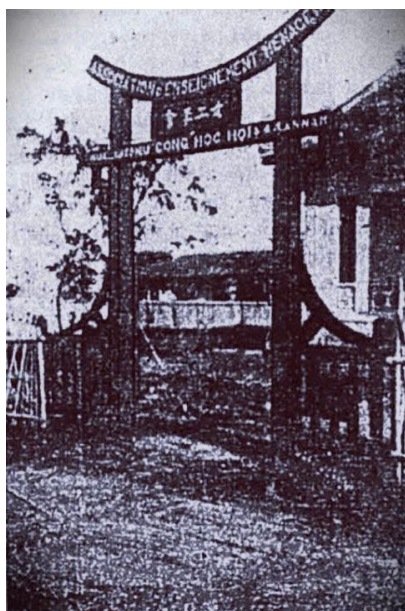
¹⁵ Nay là đường Lý Thường Kiệt.

chưa đủ, nên hẹn đến trung tuần tháng ba sẽ hoàn tất”, và hội đã phải huy động toàn bộ số tiền mà hội có được, chủ yếu từ tiền tiết kiệm do các nhà tán trợ ủng hộ từ khi thành lập, là 1.350\$, để mua sớ đất (TNDB, số 2223 (23-24AVR1928), tr.2; bài “Nữ công học hội”). Về phần khuôn đất đang giao dịch với chính quyền, với mong muốn xây dựng cơ sở hội khang trang hơn nữa, qua nhiều lần trao đi đổi lại, được ghi nhớ trong các biên bản ngày 27 tháng 6 năm 1928 và ngày 10 tháng 8 năm 1928, tòa Công sứ đã chấp thuận tạm giao cho hội một phần khuôn đất liền kề với sớ đất hội đã mua, có diện tích 1.287m² và mặt tiền hướng về con đường 18 thước tây đang được hoàn thiện. Khi đại lộ này hoàn thành, khuôn đất được định danh số 86 Avenue Khải Định. Và cũng phải sau nhiều lần được gia hạn nghĩa vụ tài chính, đến ngày 30 tháng 4 năm 1931, Nữ công học hội mới được chính thức giao quyền sử dụng khuôn đất này (*Bulletin Administratif de l’Annam*, số 1 (1930), tr.82; số 8 (1931), tr.605).

Nỗ lực xây dựng nhà hội quán còn đến từ hậu thuẫn nhiệt thành của ông nghị viên Viện Nhân dân đại biểu Trung Kỳ Trần Bá Vinh. Không chỉ tích cực ủng hộ hoạt động của hội từ những ngày đầu, đối với nguyện vọng xây dựng nhà hội, ông Trần Bá Vinh cũng lựa uy tín của mình mà cổ vũ các nhà hảo tâm. Trong thông báo về kỳ hội đồng đầu năm 1928 để tổng kết hoạt động năm 1927 và đề ra phương hướng hoạt động năm 1928, tờ biên bản của Nữ công học hội có nhắc đến việc “mới đây ông nghị viên Trung kỳ là ông Trần Bá Vinh giới thiệu với bản hội một nhà từ thiện sẵn lòng công đức mà giúp cho hội một số tiền 2.000p để làm nhà hội quán, phải làm theo kiểu của ông vẽ và trước của nhà hội quán đề mấy chữ Nữ công học hội Pavillon Lê Viên là tên của nhà từ thiện ấy” (TNDB, số 2149 (21JAN1928), tr.4; bài “Nữ công học hội”). Không biết các hội viên phản ứng ra sao với yêu cầu phải đề tên ông tư bản tán trợ ở hội quán của phụ nữ? Song cuối cùng việc này không thành. Sự lỡ dở đó có thể là lý do khiến ông Trần Bá Vinh tự đứng ra tán trợ cho hội 2.000\$ mà nhà từ thiện kia đã hứa. Trong một thông báo trên *Thực Nghiệp dân báo* tháng 9 năm 1928, Nữ công học hội vui mừng cho biết nhà tư bản này đã quyết định tặng cho hội 2.000\$ để xây nhà hội quán mới. Ông cũng tặng kèm cả bản thiết kế nhà hội quán, “một cái kiểu nhà rất mới, rất đẹp, tham chúc cả kiểu Tây, kiểu Ta, thực là mỹ lệ kiên cố”, do một nhà mỹ thuật ở Hà Nội “đã được giải thưởng thứ nhất về cảnh họa đồ” vẽ giúp, mà không có yêu cầu gì theo kèm (TNDB, số 2340 (13SEP1928), tr.3; bài “Hội Nữ công sắp làm thêm một cái nhà để làm nhà hội quán”). Đường như chính sự giúp đỡ về tinh thần và vật chất từ ông Trần Bá Vinh đã tiếp thêm động lực thôi thúc Nữ công học hội theo đuổi việc mua thêm đất của Nhà nước để mở mang cơ sở cho hội, dựng lên ở đó nhà hội quán sao cho thực “rộng rãi, tráng quan” theo như dự tưởng không giấu niềm phấn khích trong thông báo của hội với chị em toàn quốc, khi xem nhà hội quán như là biểu tượng của sự nghiệp giáo dục phụ nữ nước nhà.

Tuy nhiên, gần một năm sau, trong một thông báo trên *Tiếng dân* vào tháng 8 năm 1929, Nữ công học hội cho biết, đến ngày 29 tháng 7 năm 1929, Nữ công học hội mới nhận được ngân phiếu trị giá 2.000\$ của ông Trần Bá Vinh từ nhà Pháp Hoa ngân

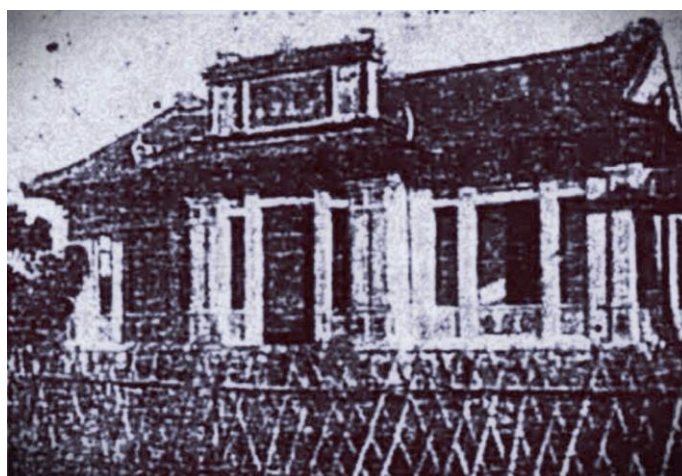
hàng Huế. Thông báo này cũng cho biết thêm, “việc trù làm nhà, trong hội chị em đã ủy quyền cho bà Phó Hội trưởng Trần Quang Khải và hai bà hội viên Cung Quang Mậu và Ứng Nghệ xem sóc” (TD, số 206 (17AUG1929), tr.2; tin “Hội Nữ công”). Cùng với ông nghị Trần Bá Vinh, nhiều nhà tư bản và chị em khắp ba kỳ cũng dành sự ủng hộ cho việc xây dựng nhà hội quán, từ tiền tài cho tới cả vật dụng ích hữu. Chẳng hạn như ông Hàn lâm viện Biên tu Tôn Thất Bằng, một nhà tư bản ở Huế, đã tặng hội một cái cửa ngõ hội (cổng nhà hội quán) “bề rộng 1m80, bề cao 3m00” với giá gần 100\$, được miêu tả là “cách kiểu rất mới và trang hoàng vô cùng” “hai bên có trụ, trên bản có chạm bốn chữ ‘Nữ công học hội’, một bản chữ Tây và một bản chữ Hán của hai cánh cửa cũng có chạm hai chữ Nữ công”, “chữ sơn trắng, cửa sơn mùi biếc, trông rất nổi và đẹp lắm” (TNDB, số 2377 (26OCT1928), tr.4; bài “Nữ công học hội”). Cổng này về sau, năm 1930, cũng được sử dụng khi nhà hội quán mới được xây xong, trở thành cổng chính của hội quán Nữ công học hội Huế.



Ảnh cổng và nhà hội quán Nữ công học hội Huế

(PNTV, số 69 (11SEP1930), tr.14;

số 244 (31MAY1934), tr.5; ĐAD sưu tầm)



Như vậy là, từ trù tính đến kêu gọi hỗ trợ và thực thi xây dựng, cho tới khi được khánh thành vào giữa năm 1930, mất gần bốn năm nhà hội quán Nữ công học hội Huế mới hoàn thành. Lúc này, nhà hội quán mới cao rộng khang trang được xây trên khuôn đất 1.287m² tại số 86 đại lộ Khải Định trở thành trụ sở chính, căn nhà ngói ba gian trên khuôn đất 1.700m² mà hội dùng làm trụ sở khi trước cũng được liên kết với trụ sở mới, hiện diện như một nhà ngang, được dùng làm nhà công nghệ cho hội (TD, số 306 (9AUG1930), tr.2; bài “Nữ công học hội khai giảng”). Đương thời, ông Đào Hùng, trong tư cách phóng viên báo *Phụ Nữ tân văn*, khi tới Huế vào tháng 8 năm 1930, có tới thăm bà Đạm Phương và nhà hội quán Nữ công học hội. Bài ký của ông gửi về đăng trên *Phụ nữ tân văn*, cùng với ảnh chụp cổng và nhà hội quán (xem hình 2), đã cung cấp cho bạn đọc thông tin về bà Đạm Phương, về Nữ công học hội cũng như phong trào phụ nữ ở

Huế và ảnh hưởng mạnh mẽ của các hoạt động này tới phong trào phụ nữ Việt Nam (PNTV, số 69 (11SEP1930), tr.14-17; bài “Bà Đạm Phương và nhà Nữ công học hội ở Huế”). Có thể nói, tọa lạc trên mảnh đất giờ được tạo thành khuôn viên chung, với diện tích khoảng 3.000m², hướng ra đại lộ Khải Định mới mở, nhà hội quán Nữ công học hội trở thành một biểu tượng tiêu biểu kiến cho sự phát triển mạnh mẽ của phong trào phụ nữ Việt Nam.

KẾT LUẬN

Ra đời vào tháng 6 năm 1926, trải gần 20 năm, Nữ công học hội Huế hoạt động với ba chặng chính. Giai đoạn đầu sôi nổi trong những năm 1926-1929, giai đoạn giữa trầm lắng trong những năm 1930-1937, và giai đoạn chót chấn chỉnh lại trong những năm 1938-1945. Bà Đạm Phương gắn bó và chính thức điều hành Nữ công học hội các giai đoạn đầu và sau chót. Chính tư tưởng cấp tiến về giới và xã hội của bà đã khiến cho hội Nữ công hoạt động vượt ra ngoài khuôn khổ của một tổ chức giáo dục nữ công gia chánh đơn thuần, nhờ đó cổ vũ, rèn luyện và thôi thúc phụ nữ tham gia hoạt động xã hội, đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng phụ nữ và giải phóng dân tộc. Việc kiên trì xây dựng nhà hội quán vừa biểu thị tinh thần tự chủ, tự lực của phụ nữ Việt Nam vừa cho thấy tinh thần tương trợ, đoàn kết của người dân Việt Nam, không phân chia nam nữ, già trẻ, giàu nghèo, đảng phái. Cho rằng tính lý là nguồn gốc của nô lệ, Nữ công học hội cổ vũ và luyện rèn ở phụ nữ tinh thần tự lập, tự chủ. Chính đức tính quan trọng này, trong tình cảnh thuộc địa, làm nên ý chí và khát vọng, sức mạnh và nghị lực, ở nữ giới và theo đó, cùng nhen lên ở nam giới, để kết thành một khối đại đoàn kết toàn dân, gắn kết cuộc đấu tranh giải phóng phụ nữ với giải phóng dân tộc, vì độc lập, tự do, hạnh phúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Bulletin Administratif de l'Annam*, sưu tập số hóa của Thư viện Quốc gia Pháp. <https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/cb327167055/date>.
- [2]. *Công luận báo [CLB]*, sưu tập số hóa của Thư viện Quốc gia Pháp. <https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/cb327469238/date>.
- [3]. *Đàn bà [ĐB]*, sưu tập số hóa của Thư viện Quốc gia Pháp. <https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/cb32753971m/date>.
- [4]. *Đông Pháp thời báo [ĐPTB]*, sưu tập số hóa của Huỳnh Chiếu Đăng. <http://ndclnh-mytho-usa.org/KhoChuaSachCu.htm>.
- [5]. *Indochine Adresses*, (1e Année 1933-1934). (Ed: Madame L. Lacroix-Sommé, Messieurs R.J. Dickson et A.J. Burtschy), Saigon: Imprimerie Albert Portail.
- [6]. *Lục tỉnh tân văn [LTTV]*, sưu tập số hóa của Huỳnh Chiếu Đăng. <http://ndclnh-mytho-usa.org/KhoChuaSachCu.htm>.
- [7]. Nguyễn Quang Trung Tiến. (2018). “Chuyện những chiếc cầu trên sông An Cựu ở khu vực Huế trước năm 1945”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 6 (149), (2018), tr.102-114.
- [8]. Nguyễn Văn Vĩnh. (2021). *Vấn đề phụ nữ ở nước ta*, (Đoàn Ánh Dương, Nguyễn Đào Nguyên sưu tầm, biên soạn), (coll. Phụ nữ từng thư). Hà Nội: NXB Phụ nữ Việt Nam.
- [9]. *Nông Công Thương [NCT]*, sưu tập số hóa của Thư viện Quốc gia Việt Nam. <http://baochi.nlv.gov.vn/>.
- [10]. Phan Khôi. (2013). *Tác phẩm đăng báo 1933-1934*, (Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn). Hà Nội: NXB Tri thức.
- [11]. *Phụ nữ tân văn [PNTV]*, sưu tập số hóa của Huỳnh Chiếu Đăng. <http://ndclnh-mytho-usa.org/KhoChuaSachCu.htm>.
- [12]. *Programme limitatif des examens du B.E. et du B.E.P.C. (année 1939)*. Huế: Librairie Hương Giang.
- [13]. *Tiếng dân [TD]*, sưu tập số hóa của Huỳnh Chiếu Đăng. <http://ndclnh-mytho-usa.org/KhoChuaSachCu.htm>.
- [14]. *Thực nghiệp dân báo [TNDB]*, sưu tập số hóa của Thư viện Quốc gia Pháp. <https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/cb32877449m/date>.
- [15]. *Tràng An báo [TAB]*, sưu tập số hóa của Thư viện Quốc gia Việt Nam. <http://baochi.nlv.gov.vn/>.
- [16]. Trần Đình Hằng. (2018). “Hội Nữ công Huế - thông điệp trăm năm”, *Huế ngày nay online*, <https://huengaynay.vn/van-hoa-nghe-thuat/hoi-nu-cong-hue-thong-diep-tram-nam-63975.html>, lên mạng ngày 6/11/2018).
- [17]. Trung Lập báo. (1926). “Lễ khánh thành Nữ công học hội ở Huế”, số 728 (25JUN1926), *Trung lập báo*, tr.1.

**THE NỮ CÔNG HỌC HỘI HUẾ (1926–1945):
A PIONEERING WOMEN'S ORGANISATION IN VIETNAM**

Doan Anh Duong¹, Nguyen Dao Nguyen²

¹ Institute of Literature, VASS

² University of Social Sciences and Humanities, VNU

Email: anhduong911@gmail.com; daonguyen85@gmail.com

ABSTRACT

Founded in Huế in 1926, the Nữ công học hội Huế (Hue Women's Vocational Association, 1926–1945) emerged as one of the earliest organized initiatives devoted to women's advancement in Vietnam. Led by Đạm Phương (1881–1947) and her associates, the association played an important role in cultivating a dynamic women's movement in Huế, while its activities and ideas also resonated beyond the city, contributing to the formation and development of the broader Vietnamese women's movement under colonial rule. Drawing on newly collected archival materials and undertaken in connection with the centenary of the association's establishment (1926–2026), this article revisits the history and significance of the Nữ công học hội Huế through two closely related dimensions: (1) the circumstances surrounding its establishment and the principal stages of its organizational development; and (2) the construction of its headquarters, examined not merely as a physical space but as a symbolic expression of the aspirations and growing presence of the Vietnamese women's movement.

Keywords: Đạm Phương; Nữ công học hội Huế; women's vocational education; women's education; women's rights.